

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH, MÃ NGÀNH 9340101
(Ban hành theo Quyết định số **467/QĐ-ĐHĐ** ngày **28** tháng **3** năm 2024
của Trường Đại học Điện lực)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

- 1.1. Tên trường: Đại học Điện lực
- 1.2. Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
 - Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Business Administration
- 1.3. Mã ngành đào tạo: 9340101
- 1.4. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- 1.5. Thời gian đào tạo: 03 năm liên tục đối với NCS có bằng thạc sĩ, 4 năm liên tục đối với NCS có bằng đại học.
- 1.6. Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
- 1.7. Thông tin kiểm định:
- 1.8. Thời điểm cập nhật chương trình đào tạo: 5/2023

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu hàng đầu về một lĩnh vực của quản trị kinh doanh; năng lực tổ chức quản lý tổ chức; năng lực tổ chức nghiên cứu khoa học và đổi mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; năng lực định hướng, tổ chức và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; năng lực quản trị, đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Nắm vững và vận dụng sáng tạo kiến thức nền tảng, tiên tiến và chuyên sâu về quản trị kinh doanh; năng lực về quản trị tổ chức, tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển giải pháp và công nghệ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.2.2. Kỹ năng

Áp dụng năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề một cách khoa học, đưa ra các giải pháp sáng tạo; năng lực chuyên môn kết nối quốc tế và triển khai thực tế các kết quả nghiên cứu.

2.2.3. Thái độ

Đạo đức và trách nhiệm trong công việc chuyên môn; thể hiện năng lực định hướng, tổ chức và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu; có trách nhiệm, thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng sáng tạo kiến thức nền tảng, tiên tiến và chuyên sâu về quản trị kinh doanh
- PLO2: Vận dụng năng lực tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển giải pháp và công nghệ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
- PLO3: Vận dụng kiến thức về quản trị tổ chức để phát triển các dự án nghiên cứu khoa học và đổi mới tổ chức

3.2. Kỹ năng

- PLO4: Vận dụng kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề một cách khoa học và sáng tạo trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
- PLO5: Vận dụng năng lực quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu phát triển để đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá về quản trị kinh doanh, đưa ra các ý kiến nhận định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.
- PLO6: Vận dụng năng lực chuyên môn và ngoại ngữ kết nối quốc tế để triển khai các đề án hợp tác và triển khai thực tế các kết quả nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO7: Có tinh thần chủ động, độc lập và sáng tạo, thể hiện năng lực định hướng, tổ chức và dẫn dắt nghiên cứu chuyên sâu.
- PLO8: Có đạo đức và trách nhiệm trong công việc chuyên môn, khả năng linh hoạt thích ứng với những biến động của môi trường kinh doanh; có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo		
	PO1	PO2	PO3
PLO1	X		

PLO2	X		
PLO3	X		
PLO4		X	
PLO5		X	
PLO6		X	
PLO7			X
PLO8			X

3.5. Đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ

- Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường ĐH Kinh tế- Đại học quốc gia
(https://admin.cms.ueb.edu.vn/ckfinder/connector?command=Proxy&lang=vi&langCode=vi&type=abc¤tFolder=%2Fhoangduchung%2F&hash=f8c1d87006fbf7e5cc4b026c3138bc046883dc71&fileName=Kem_KCT%20Tien%20si%20QTKD%20final%20ban%20hanh.pdf);
- Chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường ĐH Australian National University.
(<https://rsm.anu.edu.au/study/graduate-research-rsm>)

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có thể tiếp tục nâng cao trình độ thông qua việc tăng cường năng lực nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và tư vấn chính sách/ doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

5. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh ngành QTKD sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:

- Giảng viên và nghiên cứu viên chính tại các trường đại học và các viện nghiên cứu
- Nghiên cứu viên chính/ trưởng nhóm nghiên cứu tại các doanh nghiệp
- Chuyên gia tư vấn các dự án nghiên cứu phát triển và các cơ quan quản lý nhà nước
- Chuyên gia tư vấn về nâng cao hiệu quả hoạt động và kiểm soát doanh nghiệp

6. Thông tin tuyển sinh

6.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
	A1		
1	8340101	Quản trị Kinh doanh	

	A2		
1	7340101	Quản trị Kinh doanh	Đại học
	A3		
	<i>Nhóm 1</i>		
1	8340121	Kinh doanh thương mại	
	<i>Nhóm 2</i>		
1	83402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	
2	83403	Kế toán – Kiểm toán	
3	83404	Quản trị - Quản lý	
4	83101	Kinh tế học	
5	85106	Quản lý công nghiệp	
6	88101	Du lịch	

- A1: Đối tượng không phải tham gia học bổ sung.
- A2: Bổ sung các môn học theo quy định ở mục 6.2.
- A3 (nhóm 1 & 2): Bổ sung các môn học theo quy định ở mục 6.3.

6.2. Danh mục ngành đúng và ngành gần

- Ngành đúng và ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ: nhóm A1, A2 trên bảng thống kê tại mục 6.1.
- Ngành gần với ngành đào tạo tiến sĩ: nhóm A3 trong bảng thống kê tại mục 6.1.

6.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Chương trình học bổ sung của nhóm A2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
A	Kiến thức chung		3
1	THSTH001	Triết học	3
B	Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành		36
I	Học phần bắt buộc		18
I.1	<i>Cơ sở ngành</i>		5
2	KTQL001	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
3	KTQL002	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	3
I.2	<i>Ngành/ Chuyên ngành</i>		13

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
4	QTKD001	Quản trị vận hành doanh nghiệp nâng cao	3
5	QTKD002	Quản trị Marketing nâng cao	3
6	QTKD003	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2
7	QTKD004	Quản trị đổi mới sáng tạo	3
8	QTKD005	Quản trị chiến lược nâng cao	2
II	Học phần tự chọn		18
II.1	<i>Tự chọn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)</i>		2
9	KTQL003	Hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức	2*
10	THSTA002	Tiếng Anh	3
II.2	<i>Tự chọn Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 3 học phần)</i>		2
11	QL001	Kinh tế học nâng cao	2
12	QL002	Kinh tế lượng nâng cao	3
13	QTKD006	Quản trị dự án nâng cao	2*
II.3	<i>Tự chọn Ngành/ Chuyên ngành (Chọn 5 trong 10 học phần)</i>		14
14	QTKD007	Quản trị rủi ro và tuân thủ	3*
15	QTKD008	Quản trị chất lượng tổng thể	2
16	QTKD009	Marketing số	2
17	QTKD010	Quản trị bán và quan hệ khách hàng	3
18	QTKD011	Quản trị chuỗi cung ứng	3*
19	QTKD012	Lãnh đạo trong tổ chức	2*
20	TCKS001	Tài chính công ty	3*
21	TCKS002	Quản trị hiệu quả	3*
22	TCKS006	Phân tích kinh doanh nâng cao	3
23	TCKS011	Phân tích và ra quyết định trong tài chính & đầu tư	2
Tổng cộng số tín chỉ học bổ sung			37

Chương trình học bổ sung của nhóm A3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	A3	
				1	2
	Các học phần bổ sung				
1	BSTS001	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	×	×

2	BSTS002	Quản lý chiến lược nâng cao	2	×	×
3	BSTS003	Phương pháp định lượng và ra quyết định trong quản lý	3		×
4	BSTS004	Quản lý Marketing nâng cao	3		×

6.4. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

Căn cứ nhu cầu và kế hoạch tuyển sinh hàng năm, Trường tổ chức một hoặc nhiều lần tuyển sinh trong năm.

Phương thức tuyển sinh là xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển và người dự tuyển trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường. Trong các trường hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh, khiến người dự tuyển không thể hoặc không được khuyến khích có mặt tại Trường, Trường có thể tổ chức cho người dự tuyển trình bày dự thảo đề cương nghiên cứu theo hình thức trực tuyến.

6.5. Điều kiện trúng tuyển

Kết quả trúng tuyển của người dự tuyển được căn cứ trên kết quả đánh giá của Tiểu ban chuyên môn – Hội đồng tuyển sinh, các tiêu chuẩn theo Điều 12 Quyết định số 113/QĐ-ĐHDL ban hành ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Điểm xét tuyển được tính bằng điểm hồ sơ có trọng số 0,5 và phỏng vấn có trọng số 0,5, theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu xét tuyển. Nội dung đánh giá, thang điểm và trình tự đánh giá trong xét tuyển được quy định chi tiết tại Phụ lục 5 ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHDL ngày 27/01/2022.

Người trúng tuyển phải có điểm mỗi phần (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn) đạt từ 50% trở lên so với tổng điểm tối đa và nằm trong danh sách những người có điểm cao nhất từ trên xuống dưới cho đến hết chỉ tiêu tuyển sinh của chuyên ngành.

7. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng

Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường đồng ý thông qua.

Nghiên cứu sinh đã nộp cho Trung tâm học liệu Trường Đại học Điện lực (cả bản in và bản điện tử) và phòng Đào tạo Sau đại học (bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh và xác nhận của người hướng dẫn.

Nghiên cứu sinh đã nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng.

Nghiên cứu sinh đã hoàn thành hồ sơ xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ theo quy định trong Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng của chương trình đào tạo TS là 90 tín chỉ (TC) đối với đối tượng đầu vào A1, các đối tượng A2, A3 phải học bổ sung theo yêu cầu.

TT	Khối kiến thức	A1 (số TC)	A2 (số TC)	A3 (số TC)	
				1	2
1	Các học phần bổ sung		37 (học toàn bộ các môn học trong chương trình thạc sĩ (ThS) QTKD trừ các học phần: phương pháp nghiên cứu, chuyên đề, thực tập và đề án)	2	4
2	Các học phần NCS	9	9	9	
3	Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ	9	9	9	
4	Luận án tiến sĩ	72	72	72	
Tổng (không tính các học phần bổ sung)		90	90	90	

Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Chương trình đào tạo phải đảm bảo có tối thiểu 80% nội dung là nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

8.1.1. Các học phần bổ sung ở trình độ đại học và thạc sĩ

Các học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để học tập, nghiên cứu các học phần ở trình độ tiến sĩ và thực hiện đề tài nghiên cứu.

Các học phần bổ sung cho từng đối tượng dự tuyển được cụ thể trong mục 6.3.

8.1.2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ

Các học phần ở trình độ tiến sĩ được tổ chức giảng dạy dưới dạng chuyên đề, nhằm giúp nghiên cứu sinh nâng cao trình độ lý thuyết chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 6 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng tối đa 16 tín chỉ. Số lượng học phần, tên gọi và nội dung giảng dạy của từng học phần do Hiệu trưởng quyết định dựa trên tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

8.1.3. Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó chỉ ra khoảng trống nghiên cứu.

Việc đánh giá Tiểu luận tổng quan của mỗi nghiên cứu sinh được thực hiện bởi một Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan. Tiểu ban chấm Tiểu luận tổng quan được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, gồm 01 trưởng tiểu ban, 01 ủy viên (ở ngoài trường) và 01 ủy viên thư ký. Thành viên Tiểu ban chấm Tiểu luận tổng quan phải đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại Quy chế này đào tạo tiến sĩ của Trường.

8.1.4. Chuyên đề tiến sĩ

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ, thông qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án tiến sĩ, nhằm giải quyết một số nội dung của đề tài luận án tiến sĩ. Mỗi chuyên đề phải thể hiện khả năng phát triển thành một công trình khoa học có thể công bố trên các tạp chí hoặc hội thảo khoa học theo quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ của mỗi nghiên cứu sinh được thực hiện bởi một Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ. Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, gồm 01 trưởng tiểu ban, 01 phản biện (ngoài trường) và 01 ủy viên thư ký, trong đó một người hướng dẫn của nghiên cứu sinh tham gia với tư cách ủy viên trong hội đồng nhưng không được cho điểm và biểu quyết. Thành viên Tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ phải đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

8.1.5. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh tại Khoa có thể dưới các hình thức sinh hoạt khoa học, hợp tác nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên trong Khoa. Mỗi nghiên cứu sinh phải trình bày kết quả nghiên cứu trước Khoa theo quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

Luận án tiến sĩ (sau đây gọi chung là luận án) là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh, thể hiện nghiên cứu sinh có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể. Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường.

Nội dung luận án phải được trình bày tại hội thảo khoa học chuyên ngành quốc gia và quốc tế, đăng trong các tạp chí và kỷ yếu theo qui định hiện hành. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung luận án ở seminar khoa học của Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Khoa và được Hội đồng khoa học và đào tạo cấp Khoa đồng ý để được phép bảo vệ luận án cấp cơ sở. Luận án có khối lượng tối thiểu 100 trang và tối đa 150 trang khổ A4 (không kể phụ lục), trong đó có tối thiểu 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu; Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; Nội dung và kết quả nghiên cứu; Kết luận và khuyến nghị; Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của luận án; Danh mục tài liệu tham khảo; Phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang khổ A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án có khối lượng từ 3 đến 5 trang A4 (300 đến 500 từ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án.

8.2. Khung chương trình dạy học

TT	Các nội dung trong CTĐT tiến sĩ		Đối tượng A1, A2, A3	Năm học
I	Các học phần NCS		9	
I.1	Các học phần bắt buộc		5	
1	TSQT001	Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh	2	1

2	TSQT002	Nghiên cứu marketing	3	1
I.2	<i>Các học phần tự chọn</i>		4(/18)	
3	TSQT003	Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics	3	1
4	TSQT004	Mô phỏng hệ gián đoạn trong nghiên cứu kinh tế	3	1
5	TSQT005	Marketing dịch vụ	3	1
6	TSQT006	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	1
7	TSQT007	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	1
8	TSQT008	Quản trị hiệu quả	3	1
II	Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề NCS		9	
9	TSQT009	Tiểu luận tổng quan	3	1
10	TSQT010	Chuyên đề tiến sĩ 1	3	2
11	TSQT011	Chuyên đề tiến sĩ 2	3	2
III	Luận án tiến sĩ		72	
12	TSQT012	Luận án tiến sĩ	72	1,2,3
Tổng số tín chỉ khoá học (chưa tính học phần bổ sung kiến thức)			90	

8.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch học tập của NCS được cho ở bảng ở mục 8.2.

8.4. Ma trận đóng góp của khối kiến thức vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

	Chuẩn đầu ra							
Khối kiến thức	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Các học phần NCS	x	x	x	x	x		x	x
Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề NCS	x	x	x	x	x	x	x	x
Luận án tiến sĩ	x	x	x	x	x	x	x	x

8.5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

	Chuẩn đầu ra							
Môn học	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
Các học phần NCS								
Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh	3			3			2	

Nghiên cứu Marketing	3			3				
Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics	2	2	2	2	2	2	1	1
Mô phỏng hệ gián đoạn trong nghiên cứu kinh tế	2	2	2	2	2			
Marketing dịch vụ	2	2	2	2	2			
Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	2	2	2	2	1	1
Quản lý chất lượng dịch vụ	2	2	2	2	2		1	1
Quản trị hiệu quả	2	2	2	2	2		1	1
<i>Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề NCS</i>								
Tiểu luận tổng quan	2	2	2	2	2		1	1
Chuyên đề tiến sĩ 1	2	2	2	2	2	2	2	2
Chuyên đề tiến sĩ 2	2	2	2	2	2	2	2	2
<i>Luận án</i>								
Luận án tiến sĩ	3	3	3	3	3	3	3	3

9. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

9.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, hướng tới đạt được chuẩn đầu ra mà mục tiêu của CTĐT;

Các phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và làm việc nhóm, minh họa trực quan, thực hiện dự án cá nhân hoặc theo nhóm và Seminar. Trong các học phần, phương pháp dạy và học tập trung vào khả năng tự học tập, nghiên cứu, phát huy tính chủ động, sáng tạo của NCS.

+ Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp NCS đạt các chuẩn về kiến thức cơ bản của môn học.

+ Tổ chức thảo luận: Mục đích để giúp NCS lĩnh hội và rõ hơn các kiến thức kỹ năng liên quan tới môn học.

+ Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp NCS phân tích tốt tình huống đề xuất.

+ Tự nghiên cứu dưới sự dẫn dắt của người hướng dẫn.

9.2. Phương pháp học tập

- Học tập trên lớp;
- Tự nghiên cứu;
- Báo cáo chuyên đề;

Nghiên cứu sinh tự nghiên cứu là chính trong toàn bộ thời gian của chương trình đào tạo.

9.3. Cách thức đánh giá

Các học phần NCS:

- + Hình thức kiểm tra: tiểu luận.

Tiểu luận tổng quan và Chuyên đề NCS:

- + Hình thức kiểm tra: báo cáo.

Luận án tiến sĩ:

- + Hình thức kiểm tra: bản luận án tiến sĩ hoàn chỉnh.

Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên

Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Nhiệm vụ	Giảng dạy HP
Lê Anh Tuấn, 12/10/1973	Phó giáo sư, 2013	Tiến sĩ, Hà Lan, 2005	Kinh tế	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT	Nghiên cứu marketing, Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics
Nguyễn Minh Khoa, 05/01/1964	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam	Toán	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT	Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh
Nguyễn Ngọc Thía, 01/9/1985		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Phương pháp nghiên cứu

					nâng cao trong kinh doanh
Nguyễn Thị Vân Anh, 18/01/1981		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị nhân lực	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Quản trị kinh doanh quốc tế
Phan Duy Hùng, 1/5/1989		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Chủ trì giảng dạy CTĐT	Quản trị kinh doanh quốc tế
Vũ Đình Dũng, 9/9/1985		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Marketing dịch vụ
Trương Thị Thu Hương, 18/10/1979		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh
Dương Văn Hùng, 28/9/1988		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Thực hiện CTĐT	Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics
Trần Thanh Tuấn, 20/10/1983		Tiến sĩ, Nga, 2013	Kinh tế	Thực hiện CTĐT	Quản lý chất lượng dịch vụ
Nguyễn Thị Kim Thanh, 26/2/1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý Công nghiệp	Thực hiện CTĐT	Marketing dịch vụ
Nguyễn Quỳnh Anh, 23/10/1990		Tiến sĩ, Đức, 2021	Kinh tế/TC-NH	Thực hiện CTĐT	Quản trị hiệu quả
Nguyễn Tố Tâm, 08/12/1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế/ Kế toán - Kiểm toán	Thực hiện CTĐT	Quản trị hiệu quả, Nghiên cứu marketing

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Trường Đại học Điện lực có đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh:

11.1 Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký học phần, điểm, quản lý chương trình đào tạo).

- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh.

- Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

11.2 Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

11.2.1 Lớp học lý thuyết và các phương tiện nghe, nhìn

Trường có các phòng học với đầy đủ tiện nghi từ bàn ghế, máy chiếu, micro, phong, màn.

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	2	Phòng học máy tính
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

11.2.2. Hệ thống thư viện và phòng đọc

Các nghiên cứu sinh được sử dụng thư viện điện tử của Trường. Thư viện có các máy tính được nối mạng phục vụ cho việc tra cứu thư mục của thư viện cũng như tìm các tài liệu phục vụ học tập từ trên mạng internet một cách nhanh chóng

và thuận tiện. Thư viện của trường có hàng ngàn đầu sách tiếng việt và tiếng nước ngoài, phục vụ tốt cho việc tham khảo của các NCS.

- Diện tích thư viện:	- Diện tích phòng đọc: 700 m ²
CS1: 874,8 m ² ; CS2: 210m ²	
- Số chỗ ngồi: 300	- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBOL	
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: http://epu.tailieu.vn/ ; http://db.vista.gov.vn/ .	- Số lượng sách: 42.848 cuốn

11.2.3 Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã học phần	HP tự chọn/bắt buộc	Giáo trình chính					
				Mã sách	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản, nước	Năm XB	Số lượng g bản
1	Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh	TSQT001	BB	KMD2300174	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Mark Sauders, Dịch giả: Nguyễn Văn Dung	Nhà XB tài chính, Việt Nam	2010	1
2	Nghiên cứu marketing	TSQT002	BB	Vn1105717-21	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Nguyễn Việt Lâm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2008	5
3	Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics	TSQT003	TC	KMN1800086	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực	Nhà xuất bản đại học Kinh Tế Quốc Dân, Việt Nam	2017	5
4	Mô phỏng hệ gián đoạn trong nghiên cứu kinh tế	TSQT004	TC	KMV1800315	Mô hình hóa và mô phỏng	Trương Vũ Bằng Giang, Trần Xuân Nam	Nxb.Đại học quốc gia	2013	1
5	Quản trị chất lượng dịch vụ	TSQT007	TC	KMV2300561	Quản trị chất lượng	Đỗ Thị Đông & Đặng Ngọc Sự	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam	2022	1
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	TSQT006	TC	KMN1800169	Giáo trình Kinh doanh quốc tế	PGS.TS.Tạ Lợi	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam	2016	1

7	Quản trị hiệu quả	TSQT008	TC	KMNN 190008 9	CMAexcel Learning System, Exam review, Part 1- Financial Reporting, Planning, Performance and Control	IMA (Institute of Management Accountants)	Wiley	2019	1
8	Marketing dịch vụ	TSQT005	TC	KMN1 800157	Marketing dịch vụ.	Lưu Văn Nghiêm	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam	2008	1

12. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả học phần
1	TSQT001	Phương pháp nghiên cứu nâng cao trong kinh doanh	2	Học phần giúp người học xác định và lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu trong kinh doanh; thiết kế nghiên cứu, triển khai và viết báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học.
2	TSQT002	Nghiên cứu marketing	3	Học phần này cung cấp những kiến thức về thiết kế và thực hiện một nghiên cứu marketing từ bước đầu tiên tới bước cuối cùng, bao gồm việc xác lập mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch lấy mẫu, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, và viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Học phần trang bị các kiến thức về cả phân tích dữ liệu định tính và định lượng và các phương pháp thống kê sử dụng để phân tích dữ liệu. Bên cạnh các phương pháp thống kê cơ bản thì học phần cũng giới thiệu một số công cụ thống kê hiện đại ứng dụng trong phân tích. Học phần cũng đồng thời trang bị các kiến thức về truyền đạt kết quả phân tích và xây dựng báo cáo.

3	TSQT003	Một số vấn đề về quản lý tác nghiệp và logistics	3	Cung cấp cho nghiên cứu sinh các kiến thức quan trọng về một số lĩnh vực của công tác quản trị tác nghiệp. Đây là các quyết định quan trọng của tác nghiệp có khả năng gây ảnh hưởng lớn tới hiệu quả quản lý thực tế của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động của đơn vị. Một số quyết định quan trọng trong lĩnh vực quản lý tác nghiệp bao gồm các vấn đề về lựa chọn vị trí, thiết kế mặt bằng, xác định nguồn nhân lực, thiết kế sản phẩm mới, bảo dưỡng hệ thống và hoạt động logistics của doanh nghiệp.
4	TSQT004	Mô phỏng hệ gián đoạn trong nghiên cứu kinh tế	3	Cung cấp cho nghiên cứu sinh chuyên ngành quản trị kinh doanh kiến thức và phương pháp nghiên cứu xây dựng mô hình mô phỏng các hệ thống rời rạc (hệ thống sản xuất, hệ thống dịch vụ). Các nội dung như nguyên lý mô hình hóa, các kỹ thuật mô phỏng, lập kế hoạch thực nghiệm mô phỏng từ khâu thiết kế, chạy mô hình và phân tích kết quả thu được, v.v sẽ được trình bày cụ thể. Các kết quả nghiên cứu mô phỏng là các nền tảng quan trọng để đánh giá, suy luận ra các giải pháp cho các vấn đề quản lý trong thực tế.
5	TSQT005	Marketing dịch vụ	3	Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh chuyên ngành Marketing những kiến thức về Marketing dịch vụ, bao gồm những kiến thức cơ bản về ngành dịch vụ, nhu cầu về sản phẩm dịch vụ, bản chất và đặc điểm riêng của Marketing dịch vụ trong môi trường kinh doanh ngày càng tăng tính cạnh tranh. Học phần cũng trang bị cho nghiên cứu sinh các phương pháp và công cụ để quản lý tốt các hoạt động kinh doanh dịch vụ.
6	TSQT006	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	Học viên hiểu và thực hiện được các hoạt động quản trị kinh doanh quốc tế gồm các nội dung như: Các kiến thức tổng quát về kinh tế quốc tế phục vụ cho kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế, tổ chức kinh doanh quốc tế, marketing quốc tế, chuỗi cung ứng kinh doanh quốc tế, tài chính trong kinh doanh quốc tế.

7	TSQT007	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh các kiến thức liên quan đến vấn đề chất lượng dịch vụ, hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ. Nghiên cứu sinh cũng được cung cấp các công cụ căn bản để đo lường và quản lý chất lượng dịch vụ, một số công cụ nâng cao và ứng dụng của chúng; ngoài ra nghiên cứu sinh cũng nắm được một số phương pháp quản lý chất lượng hiệu quả trong tổ chức và phương pháp triển khai chức năng chất lượng cơ bản và nâng cao.
8	TSQT008	Quản trị hiệu quả	3	Học phần Quản trị hiệu quả nâng cao là học phần chuyên ngành tự chọn đối với CTDT tiến sĩ Quản trị kinh doanh, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị hiệu quả, kiểm soát trong tổ chức như sử dụng các thông tin có tính định tính và định lượng cho việc đề ra kế hoạch, các quyết định, đánh giá hiệu quả và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp. Học phần cung cấp cách thức sử dụng hệ thống kế hoạch đo lường và kiểm soát hiệu quả kinh doanh và đưa ra cách đo lường chỉ tiêu tài chính và thể điểm cân bằng trong doanh nghiệp. Cách xác định giá chuyển giao và các vấn đề các bên liên quan đến quản trị hiệu quả cũng như quản trị hiệu quả trong các tổ chức phi lợi nhuận, đơn vị công. Việc Từ các kiến thức, kỹ năng cung cấp, học phần giúp học viên có được tầm nhìn chiến lược và thái độ thận trọng trong công việc của một nhà quản lý.
9	TSQT009	Tiểu luận tổng quan	3	Học phần giúp học viên có khả năng nghiên cứu tổng quan về lĩnh vực, chủ đề nghiên cứu của các công trình nghiên cứu có liên quan. Từ đó, giúp người học làm sáng tỏ bức tranh về chủ đề nghiên cứu, khoảng trống nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của lĩnh vực đề tài thực hiện.
10	TSQT010	Chuyên đề tiến sĩ 1	3	Học phần giúp học viên có khả năng nghiên cứu một nội dung có liên quan đến đề tài luận án Tiến sĩ đã đăng ký. Từ đó, giúp người học làm sáng tỏ thêm bức tranh về chủ đề nghiên cứu, về 01 nội dung có liên quan đến đề tài luận án, đồng thời giúp học viên

				đánh giá tính khả thi của lĩnh vực đề tài thực hiện.
11	TSQT011	Chuyên đề 2	3	Học phần giúp học viên có khả năng nghiên cứu một nội dung có liên quan đến đề tài luận án Tiến sỹ đã đăng ký. Từ đó, giúp người học làm sáng tỏ thêm bức tranh về chủ đề nghiên cứu, về 01 nội dung có liên quan đến đề tài luận án, đồng thời giúp học viên đánh giá tính khả thi của lĩnh vực đề tài thực hiện.
12	TSQT012	Luận án tiến sỹ	72	Báo cáo tổng hợp các vấn đề nghiên cứu, nội dung, phương pháp nghiên cứu, giải quyết các vấn đề nghiên cứu, các đóng góp, giải pháp, khuyến nghị ...

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sỹ gồm 90 tín chỉ với thời gian đào tạo chuẩn được thiết kế là 3 năm. Chương trình đào tạo được thiết kế theo quy định giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng phát triển hệ thống và sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Quá trình thực hiện chương trình tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Điện lực. Mỗi năm học có hai học kỳ chính. Theo lộ trình đào tạo, học viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến bổ sung và các học phần NCS theo yêu cầu trong năm thứ nhất. Đối với các học phần tự chọn, Khoa hướng dẫn học viên chọn các học phần phù hợp nhất với các mục tiêu học tập và nghề nghiệp của học viên cũng như các điều kiện thực tế và cập nhật những xu hướng mới của nền kinh tế.

Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép học viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân. Việc giảng dạy được thiết kế và triển khai căn cứ theo mục tiêu của học phần, liên tục được cải thiện trên cơ sở ý kiến đóng góp từ người học, các giảng viên trong Khoa cũng như các đối tượng hữu quan khác.

Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT. Các học phần được tổ



chức giảng dạy, đánh giá theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp theo quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

14. Đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá định kỳ nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT. Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu 02 (hai) lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT (tối đa 5 năm). Kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường khoa tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của BGD&ĐT và của Trường ĐHDL.

Hiệu trưởng quyết định công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi đánh giá và cập nhật trên cơ sở đề xuất của Hội đồng khoa học và Đào tạo.

Việc thực hiện đảm bảo chất lượng đào tạo chương trình tuân thủ theo Chính sách chất lượng áp dụng tại Trường Đại học Điện lực (ban hành kèm theo Quyết định số 1152/QĐ-ĐHDL ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực).

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ tiến sĩ ngành QTKD được ban hành kèm theo)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

PHỤ TRÁCH KHOA KT&QL

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Đinh Văn Châu


PGS.TS. Lê Anh Tuấn